

Câu 17. Cho hai đa thức $P = x^2 - y^2 + 1$ và $Q = 3 - y^2 - 2x^2$. Hiệu $P - Q$ bằng:

- A. $-x^2 - 2y^2 - 2$. B. $-x^2 + 2$. C. $3x^2 - 2$. D. $3 - 2x^2$.

Câu 18. Chọn câu trả lời đúng. Cho $M(x) + (3x^2 - 6x) = 2x^2 - 6x$ thì:

- A. $M(x) = -x^2$ B. $M(x) = -x^2 - 12x$
C. $M(x) = -x^2 + 12x$ D. $M(x) = x^2 - 12x$

Câu 19. Nghiệm của đa thức $P(x) = 2x + 2$ là:

- A. 1 B. -1 C. $\frac{1}{4}$ D. $-\frac{1}{4}$

Câu 20. Số nào sau đây là nghiệm của đa thức $g(x) = \frac{2}{3}x + 1$

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $-\frac{3}{2}$ D. $-\frac{2}{3}$

Câu 21. Đa thức $f(x) = x^2 - 7x$ có tập hợp nghiệm là:

- A. $\{0\}$ B. $\{0; 7\}$ C. $\{0; -7\}$ D. $\{1; 7\}$

Câu 22. Nghiệm của đa thức $Q(x) = x^2 + 5$ là:

- A. $x = 0$ B. $x = -2$ C. $x = 0$ hoặc $x = -2$ D. Không có nghiệm

Câu 23. Biểu thức nào sau đây là đơn thức:

- A. $\frac{2}{3}x^2y$ B. $2x + 1$ C. $\frac{3}{x}y$ D. $x + 3$

Câu 24. Cho ΔABC vuông tại A, có $AB = 6$ cm; $BC = 10$ cm. Độ dài cạnh AC là:

- A. $AC = 4$ cm B. $AC = 8$ cm C. $AC = 10$ cm D. $AC = 16$ cm.

Câu 25. Nếu I là một điểm nằm trong tam giác ABC và cách đều CA và CB thì

- A. AI là phân giác của góc A. B. BI là đường cao của ΔABC .
C. CI là phân giác của góc C. D. BI là trung trực của AC

Câu 26. Cho tam giác ABC có $A = B = 30^\circ$ thì

- A. $AB = AC > BC$. B. $AB = AC < BC$.
C. $CA = CB > AB$. D. $CA = CB < AB$.

Câu 27. Cho tam giác ABC có góc $A = 70^\circ$. I là giao điểm của ba đường phân giác trong tam giác trong tam giác. Số đo của góc BIC là :

- A. 110° . B. 120° . C. 115° . D. 125°

Câu 28. Bộ ba đoạn thẳng nào sau đây **không** là độ dài ba cạnh của một tam giác ?

- A. 3 cm; 4 cm; 5 cm. B. 6 cm; 9 cm; 12 cm.
C. 4 cm; 5 cm; 7 cm. D. 2 cm; 4 cm; 7 cm.

Câu 29. Cho tam giác ABC có, góc $A = 80^\circ$, góc $C = 40^\circ$. Số đo góc B bằng:

- A. 40° . B. 50° . C. 60° . D. 70° .

Câu 30. Cho điểm M là điểm nằm trên trung trực của AB. Biết $MA = 7$ cm. Độ dài đoạn thẳng MB bằng:

- A. $MB = 3,5$ cm. B. $MB = 14$ cm. C. $MB = 7$ cm. D. $MD = 5$ cm.

Câu 31. Cho $AB = 6$ cm. M là điểm nằm trên trung trực của AB. $MA = 5$ cm. Gọi I là trung điểm của AB. Độ dài đoạn thẳng MI bằng

- A. $MI = 5$ cm. B. $MI = 6$ cm. C. $MI = 3$ cm. D. $MI = 6$ cm.

Câu 32: Tam giác ABC vuông tại A có $AB < AC$. Vẽ AH vuông góc với BC ($H \in BC$). Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. $HC < HB$. B. $HB < HC$. C. $AB < AH$ D. $AC < AH$.

Câu 33. Một tam giác cân có độ dài hai cạnh là 1cm và 10cm. Vậy chu vi của tam giác là:

- A. 12cm B. 20cm C. 21cm D. 9cm

Câu 34. Gọi I là giao điểm của ba đường phân giác của tam giác. Kết luận nào sau đây đúng?

- A. I cách đều 3 cạnh của tam giác. B. I là trọng tâm của tam giác
C. I cách đều 3 đỉnh của tam giác D. I là trực tâm của tam giác

Câu 35. Trọng tâm G của tam giác ABC là điểm nào trong các điểm chung của:

- A. Ba đường trung tuyến B. Ba đường trung trực

C. Ba đường cao

D. Ba đường phân giác

B - Phần tự luận:

I. Đại số

Dạng 1: Bài toán thống kê.

Bài 1: Điểm các bài kiểm tra môn toán của 40 học sinh lớp 7A được ghi lại như sau:

3	8	7	4	7	6	7	8	7	8	8	7	3		6	7	9	5	8	10	6
5	9	5	9	6	10	5	7	9	5	5	7	10		5	5	6	8	5	8	4

a) Dấu hiệu ở đây là gì? Lập bảng tần số

b) Tính số trung bình cộng và tìm một của dấu hiệu

Dạng 2. Thu gọn biểu thức đại số:

Bài 2: Thu gọn, xác định phân hệ số, phân biến, tìm bậc

a) $5x^2y^4 \frac{1}{6}xy(-3xy)$

b) $(-3xy^5) \left(-\frac{2}{3}x^4y\right)$

Bài 3: Thu gọn các đa thức sau rồi tìm bậc của mỗi đa thức:

$A = 13x^2y^3 + 7x^2 - 8x^3y^2 - 12x^2 + 11x^3y^2 - 13x^2y^3$

Dạng 3: Tính giá trị biểu thức đại số :

Bài 4 : Tính giá trị biểu thức $M(x) = 3x^2 - x^2 + 4$ tại $x = -3$

Dạng 4: Cộng trừ đa thức một biến, nghiệm của đa thức 1 biến:

Bài 5: Cho hai đa thức $P(x) = 1 - 4x^2 + x^3 - x^4$ và $Q(x) = 2x^3 + x^2 + x^4 - x + 5$

a) Sắp xếp các đa thức theo lũy thừa giảm của biến. Cho biết hệ số cao nhất và hệ số tự do, bậc.

b) Tính $H(x) = P(x) + Q(x)$; $F(x) = P(x) - Q(x)$

Bài 6 : Tìm nghiệm của các đa thức sau.

a) $P(x) = 4x - 8$;

b) $Q(x) = (x - 3)(x + 2)$

c) $A(x) = -5x + 15$

II. Hình học:

Bài 1: Cho tam giác ABC vuông tại C. Tia phân giác của góc BAC cắt BC ở E. Trên AB lấy điểm K sao cho $AC = AK$.

a) Chứng minh $\triangle CAE = \triangle KAE$ và $EK \perp AB$

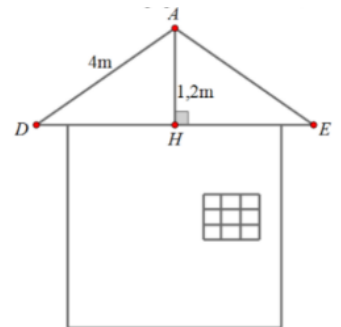
b) Chứng minh $EB > EC$

c) Kẻ $BD \perp AE$ ($D \in AE$). Chứng minh AC, BD, KE đồng quy.

III. Bài tập thực tế:

Bài 1:

Một mái nhà được thiết kế theo hình $\triangle ADE$ cân tại A, có chiều cao AH như hình vẽ. Tính độ dài DE (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)



Chúc các em ôn tập tốt và đạt kết quả cao!

Nhóm trưởng

Tổ trưởng

BGH

Nguyễn Thị Kim Tuyền

Hồ Mai Thúy

Nguyễn Ngọc Sơn

Năm học 2020- 2021

I. VĂN BẢN

- Tinh thần yêu nước của nhân dân ta
- Đức tính giản dị của Bác Hồ
- Ý nghĩa văn chương.
- Sống chết mặc bay.
- Ca Huế trên sông Hương.

Yêu cầu: Nắm được tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, nghệ thuật, tóm tắt truyện, cảm thụ chi tiết hay, hình ảnh đẹp.

II. TIẾNG VIỆT

- Rút gọn câu, câu đặc biệt.
- Thêm trạng ngữ cho câu.
- Chuyển câu chủ động thành câu bị động, dùng cụm chủ vị để mở rộng câu.
- Liệt kê, dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy.

Yêu cầu: Hiểu bản chất các kiến thức Tiếng Việt; phân tích được giá trị các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong các văn bản; vận dụng trong giao tiếp và tạo lập văn bản.

III. TẬP LÀM VĂN

- Bài văn: nghị luận giải thích, nghị luận chứng minh.
- Yêu cầu: Học sinh nắm được các kỹ năng, phương pháp làm bài ; vận dụng kỹ năng vào viết bài hoàn chỉnh.

IV. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA

Bài 1: Sống chết mặc bay:

- Tóm tắt truyện
- Nêu ý nghĩa nhan đề, giá trị nội dung, nghệ thuật cơ bản của tác phẩm.
- Chỉ ra hai mặt tương phản cơ bản trong truyện. Nêu dụng ý của tác giả trong việc dựng cảnh tương phản này.
- Phân tích nghệ thuật tăng cấp trong việc miêu tả mức độ của trời mưa, của nước sông dâng cao, tăng cấp trong việc miêu tả mức độ đam mê bài bạc của tên quan phủ. Nêu tác dụng.

- Tìm và nêu tác dụng của phép liệt kê trong đoạn văn sau:

“Dân phu kể hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ gìn, kẻ thì thương, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bì bõm dưới bùn lầy ngập quá khuỷu chân, người nào người nấy lướt thướt như chuột lột.”

Bài 2: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:

- Trong văn bản tác giả sử dụng những hình ảnh so sánh nào? Tác dụng của những hình ảnh ấy?
- Chỉ ra phép liệt kê trong văn bản? Nêu tác dụng.

Bài 3: Ca Huế trên sông Hương:

- Chỉ ra phép liệt kê trong văn bản? Nêu tác dụng của các phép liệt kê đó?
- Chỉ ra nguồn gốc của ca Huế? Vì sao nói: nghe ca Huế là một thú tao nhã?

Bài 4: Đức tính giản dị của Bác Hồ

- Đời sống vật chất và tác phong giản dị của bác Hồ thể hiện ở những phẩm chất cao quý nào ở Bác ?
- Chỉ ra những biểu hiện của đức tính giản dị của Bác: giản dị trong lối sống, giản dị trong quan hệ với mọi người.

Bài 5: Ý nghĩa văn chương

- Hoài Thanh viết: “văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng, chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống”. Em hiểu ý kiến ấy như thế nào?
- Để làm rõ công dụng của văn chương là “giúp cho tình cảm và gọi lòng vị tha”, tác giả đã nêu ra những chứng cứ gì? Chứng cứ ấy được sắp xếp theo trình tự nào?

Bài 6: Chuyển đổi các câu sau thành câu bị động:

- Phạm Duy Tồn đã lên án gay gắt tên quan phủ “lòng lang dạ thú” trong truyện ngắn “*Sống chết mặc bay*”.
- Trong văn bản “*Ý nghĩa văn chương*” tác giả đã khẳng định công dụng lớn lao của văn chương trong cuộc sống con người.

Bài 7: Thêm cụm C-V vào chỗ trống để tạo thành câu mở rộng:

- Cô giáo chỉ luôn tin rằng.....
- Lan học giỏi.....
- Chúng tôi cùng hát vang bài hát.....
- Cây bang đầu ngõ nhà em.....

Bài 8:

- Đặt câu mở rộng chủ ngữ nói về viên quan trong truyện “*Sống chết mặc bay*”.
- Đặt câu mở rộng vị ngữ nói về văn bản “*Ca Huế*”.
- Đặt câu bị động nói về văn bản “*Đức tính giản dị của Bác Hồ*”.

Bài 9: Tập làm văn

Đề 1: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 câu phân tích câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.

Đề 2: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 câu phân tích câu tục ngữ “*Tấc đất, tấc vàng*”.

Đề 3: Bằng đoạn văn khoảng 10 câu, em hãy phân tích câu tục ngữ “*Không thầy đố mày làm nên*”.

Ban giám hiệu duyệt

Tổ trưởng

Nhóm trưởng

Ngô Thị Bích Liên

Nguyễn Thu Hoàng

Doãn Thị Xuân Thanh

A: GRAMMAR:

I/ Vocabulary: review from Unit 7 to Unit 12.

II/ Grammar:

- 1/ Tenses : +The present simple, present progressive, present perfect tense
 + The past simple tense
 + The future simple, future continuous tense
- 2/ Used to:
- 3/ Modal verbs: Can, must, Should, ought to, could, may, might.
- 4/ Comparatives and superlatives:
- 5/ prepositions: at, on, in, with, for, from
- 6/ Connectors: although, despite/ in spite of, however, nevertheless
- 7/ Possessive pronouns:
- 8/ Wh/H – questions: How much...../ How many.....?
- 9/ Passive voice:

B: KINDS OF EXERCISES:

1. Choose the best answer.
2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.
3. Find out the underlined words or phrases that are not correct in English.
4. Rewrite the following sentence so that they have the same meaning as the first ones.
5. Arrange the jumbled words in to the correct sentences.
6. Read the passage and fill in the blank.
7. Read the passage and choose whether the statements are (T) or (F).
8. Read the passage and answer the questions.

Ban giám hiệu duyệt

Tổ trưởng

Nhóm trưởng

Ngô Thị Bích Liên

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nguyễn Thị Bích Hạnh